

**Nguyễn Đình Hương**

**Biểu 1****UBND TỈNH KHÁNH HÒA  
TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT****TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MTV DO DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC SỞ HỮU 100% VỐN ĐIỀU LỆ***(Đính kèm Văn bản số 107/TCTKV ngày 11/3/2019 của Tổng công ty Khánh Việt)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

| STT | Tên doanh nghiệp                                                                                              | QĐ công bố giá trị doanh nghiệp |                   |                    |                                          | QĐ phê duyệt phương án CPH |                   |             |                          |                                                |                                |                                            |                       | Tình hình thực tế triển khai phương án cổ phần hóa bán cổ |                                                          |                                      |                        |                                      |                        |            |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|-------------------|--------------------|------------------------------------------|----------------------------|-------------------|-------------|--------------------------|------------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------------------|-----------------------|-----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|--------------------------------------|------------------------|--------------------------------------|------------------------|------------|
|     |                                                                                                               | Số QĐ                           | Ngày phê duyệt QĐ | Giá trị thực tế DN | Giá trị thực tế phần vốn NN/ DNNN tại DN | Số QĐ                      | Ngày phê duyệt QĐ | Vốn điều lệ | Giá trị NN/ DNNN nắm giữ | Giá trị bán cho nhà đầu tư chiến lược (nếu có) | Giá trị bán cho người lao động | Giá trị bán cho Tổ chức công đoàn (nếu có) | Giá trị bán công khai | Ngày bán đầu giá công khai cổ phần lần đầu                | Giá trị vốn NN/DN NN nắm giữ sau khi bán cổ phần lần đầu | Bán cho NĐT chiến lược               |                        | Bán cho người lao động               |                        | Bán cho TC |
|     |                                                                                                               |                                 |                   |                    |                                          |                            |                   |             |                          |                                                |                                |                                            |                       |                                                           |                                                          | Giá trị cổ phần bán ra theo mệnh giá | Giá trị thực tế thu về | Giá trị cổ phần bán ra theo mệnh giá | Giá trị thực tế thu về |            |
| 1   | 2                                                                                                             | 3                               | 4                 | 5                  | 6                                        | 7                          | 8                 | 9           | 10                       | 11                                             | 12                             | 13                                         | 14                    | 15                                                        | 16                                                       | 17                                   | 18                     | 19                                   | 20                     | 21         |
| B   | Danh sách danh nghiệp cổ phần hóa không thuộc công văn số 991/TTg-ĐMDN ngày 10/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ |                                 |                   |                    |                                          |                            |                   |             |                          |                                                |                                |                                            |                       |                                                           |                                                          |                                      |                        |                                      |                        |            |
| 1   | Công ty TNHH một thành viên Tân Khánh An                                                                      | 103                             | 31/07/2018        | 109.522,90         | 58.617,90                                | 111                        | 28/08/2018        | 38.000      | -                        | -                                              | 11.313,00                      | -                                          | 45.253,80             | 15/10/2018                                                |                                                          |                                      |                        | 5.915                                | 6.835                  |            |

**Biểu 1**

**UBND TỈNH KHÁNH HÒA  
TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT**

Đơn vị tính: Triệu đồng

| STT | Tên doanh nghiệp                                                                                              | phần lần đầu           |                                         |                        |            | Ngày được cấp giấy đăng ký kinh doanh lần đầu | Quyết toán quá trình cổ phần hóa tại thời điểm đăng ký kinh doanh lần đầu |                             |                                    |                                   |                                        |                                  |                                |                                |                |                                                                                                                   |                                      |           |                                                                                     |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------------------------|------------------------|------------|-----------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                                                                               | công đoàn              | Bán đấu giá công khai                   |                        |            |                                               | Vốn điều lệ                                                               | Giá trị vốn NN/DNNN năm giữ | Giá trị cổ đông chiến lược năm giữ | Giá trị tổ chức công đoàn năm giữ | Giá trị cán bộ, công nhân viên năm giữ | Giá trị các cổ đông khác năm giữ | Chi phí cổ phần hóa được duyệt | Chi phí hỗ trợ lao động đôi dư |                | Giá trị vốn NN/DNNN tăng thêm từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp tới thời điểm đăng ký kinh doanh lần đầu | Số phải nộp về Quỹ HTSXDN            |           |                                                                                     |
|     |                                                                                                               | Giá trị thực tế thu về | Giá trị số cổ phần bán ra theo mệnh giá | Giá trị thực tế thu về |            |                                               |                                                                           |                             |                                    |                                   |                                        |                                  |                                | Số lao động đôi dư được hỗ trợ | Số tiền hỗ trợ |                                                                                                                   | Số phải nộp về Quỹ HTSXDN Trung ương | Số đã nộp | Số còn phải nộp                                                                     |
| 1   | 2                                                                                                             | 22                     | 23                                      | 24                     | 25         | 26                                            | 27                                                                        | 28                          | 29                                 | 30                                | 31                                     | 32                               | 33                             | 34                             | 35             | 36                                                                                                                | 37                                   | 38        | 39                                                                                  |
| B   | Danh sách danh nghiệp cổ phần hóa không thuộc công văn số 991/TTg-ĐMDN ngày 10/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ |                        |                                         |                        |            |                                               |                                                                           |                             |                                    |                                   |                                        |                                  |                                |                                |                |                                                                                                                   |                                      |           |                                                                                     |
| 1   | Công ty TNHH một thành viên Tân Khánh An                                                                      |                        | 220                                     | 341                    | 01/12/2018 | 28/12/2018                                    |                                                                           |                             |                                    |                                   |                                        |                                  |                                |                                |                |                                                                                                                   |                                      |           |  |

**Biểu 2**

**UBND TỈNH KHÁNH HOÀ  
TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT**

**TÌNH HÌNH THOÁI VỐN TẠI DOANH NGHIỆP**

(Đính kèm Văn bản số 107/TCTKV ngày 11/3/2019 của Tổng công ty Khánh Việt)

Đơn vị tính: Triệu đồng

| STT | Tên doanh nghiệp                                                                                | Vốn điều lệ<br>tại thời điểm<br>31/12/2016 | Giá trị vốn<br>của NN/CSH<br>tại thời điểm<br>31/12/2016 | Giá trị phải<br>thoái tại thời<br>điểm<br>31/12/2016<br>theo sổ sách kế<br>toán | Tình hình thoái vốn Quý<br>báo cáo/Năm báo cáo |                        |                               | Lũy kế số thoái từ 01/01/2017<br>đến Quý báo cáo |                     |                               | Giá trị<br>còn phải<br>thoái | Ghi chú                                                                               |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------|-------------------------------|--------------------------------------------------|---------------------|-------------------------------|------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                                                                 |                                            |                                                          |                                                                                 | Giá trị đã thoái                               |                        | Đầu tư<br>thêm<br>(nếu<br>có) | Giá trị đã thoái                                 |                     | Đầu tư<br>thêm<br>(nếu<br>có) |                              |                                                                                       |
|     |                                                                                                 |                                            |                                                          |                                                                                 | Giá trị<br>sổ sách                             | Giá trị<br>thu<br>được |                               | Giá trị sổ<br>sách                               | Giá trị<br>thu được |                               |                              |                                                                                       |
| 1   | 2                                                                                               | 3                                          | 4                                                        | 5                                                                               | 6                                              | 7                      | 8                             | 9                                                | 10                  | 11                            | 12                           | 13                                                                                    |
| C   | Tình hình thoái vốn tại doanh nghiệp theo Phương án cơ cấu lại được cấp có thẩm quyền phê duyệt |                                            |                                                          |                                                                                 |                                                |                        |                               |                                                  |                     |                               |                              |                                                                                       |
| 1   | Công ty CP Giấy Rạng Đông                                                                       | 20.246                                     | 3.753                                                    | 3.753                                                                           |                                                |                        |                               | 3.753                                            | 8.096               |                               | 0                            |                                                                                       |
| 2   | Công ty CP SX-TM-DV<br>Khatoco                                                                  | 5.000                                      | 1.000                                                    | 1.000                                                                           |                                                |                        |                               | 1.000                                            | 1.350               |                               | 0                            |                                                                                       |
| 3   | Công ty TNHH Mường Thanh<br>Nha Trang                                                           | 120.000                                    | 18.000                                                   | 18.000                                                                          |                                                |                        |                               | 18.000                                           | 47.000              |                               | 0                            |                                                                                       |
| 4   | Công ty TNHH Bốn Mùa Nha<br>Trang                                                               | 15.000                                     | 2.250                                                    | 2.250                                                                           |                                                |                        |                               | 2.250                                            | 2.410               |                               | 0                            |                                                                                       |
| 5   | Công ty TNHH Việt Khánh Phú                                                                     | 20.000                                     | 5.800                                                    | 5.800                                                                           |                                                |                        |                               | 5.800                                            | 5.860               |                               | 0                            |                                                                                       |
| 6   | Công ty TNHH Phú Khánh Việt                                                                     | 10.000                                     | 2.500                                                    | 2.500                                                                           |                                                |                        |                               | 2.500                                            | 2.525               |                               | 0                            |                                                                                       |
| 7   | Công ty TNHH Cat Tiger<br>Khareal                                                               | 48.000                                     | 12.000                                                   | 12.000                                                                          |                                                |                        |                               | 12.000                                           | 25.000              |                               | 0                            |                                                                                       |
| 8   | Công ty TNHH Quốc tế AK                                                                         | 7.000                                      | 1.400                                                    | 1.400                                                                           |                                                |                        |                               | 1.400                                            | 580                 |                               | 0                            |                                                                                       |
| 9   | Công ty CP Dệt Tân Tiến                                                                         | 56.000                                     | 49.333                                                   | 49.333                                                                          |                                                |                        |                               | 49.333                                           | 49.333              |                               | 0                            |                                                                                       |
| 10  | Công ty CP Thức ăn chăn nuôi<br>Khatoco                                                         | 45.000                                     | 9.000                                                    | 9.000                                                                           |                                                |                        |                               | 9.000                                            | 11.340              |                               | 0                            |                                                                                       |
| 11  | Công ty CP Khánh Tân                                                                            | 60.000                                     | 803                                                      | 803                                                                             | 803                                            | 1.477                  |                               | 803                                              | 1.477               |                               | 0                            |  |